TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:09/2023/DS-ST.
Ngày: 15/02/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường
Ông Nguyễn Ngọc Trứ

Thư ký phiên toà: Ông Đặng Ngọc Lâm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đông– Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/02/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 272/2022/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-DS ngày 03/01/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-DS ngày 19/01/2023; Thông báo về việc thay đổi lịch phiên tòa số 06/2023/TB-TA ngày 13/02/2023 của tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa giữa các đương sự:

- Ng đơn: Ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1976 – Có mặt
Địa chỉ: Thôn Thanh Lay, xã Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968 – Vắng mặt
Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1971 – Vắng mặt
Cùng địa chỉ: Thôn Thanh Bình, xã Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**
Bà Giang Thị Lợi, sinh năm 1975 – Có mặt
Địa chỉ: Thôn Thanh Lay, xã Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cùng như tại phiên tòa Ng đơn trình bày:

Từ mối quan hệ anh em ruột trong gia đình giữa ông Ng và ông Nguyễn Văn H nên ông Ng đã nhiều lần cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị D vay tiền nhiều lần.

Cụ thể:

- Ngày 02/2/2013 ông cho vợ chồng ông H, bà D vay số tiền là 100.000.000 đồng.
- Ngày 25/10/2013 ông cho vợ chồng ông H, bà D vay số tiền 100.000.000 đồng.
- Ngày 20/11/2015 ông cho vợ chồng ông H, bà D vay số tiền 50.000.000 đồng.
- Ngày 23/11/2015 ông cho vợ chồng ông H, bà D vay số tiền 50.000.000 đồng.
- Ngày 6/2/2016 ông cho vợ chồng ông H, bà D vay số tiền 50.000.000 đồng.
- Ngày 22/6/2016 ông cho ông vợ chồng H, bà D vay số tiền 50.000.000 đồng.
- Ngày 22/7/2016 ông cho ông vợ chồng H, bà D vay số tiền 50.000.000 đồng.
- Ngày 25/2/2017 ông cho vợ chồng ông H, bà D vay số tiền 100.000.000 đồng.
- Ngày 08/7/2017 ông cho vợ chồng ông H, bà D vay số tiền 70.000.000 đồng.
- Ngày 10/10/2017 ông cho ông vợ chồng H, bà D vay số tiền 50.000.000 đồng.
- Ngày 25/01/2018 ông cho vợ chồng ông H, bà D vay số tiền 50.000.000 đồng.

Ngoài ra trước đo ông chơi họ do vợ chồng ông H, bà D là chủ họ, trong quá trình chơi họ đến khi đến lượt ông lấy họ thì vợ chồng ông H còn nợ ông số tiền 215.550.000 đồng.

Đến ngày 25/5/2018 âm lịch (tức ngày 08/7/2018 dương lịch) giữa vợ chồng ông và vợ chồng ông H, bà D thống nhất gộp tất cả các khoản nợ vay trước đây và tiền nợ khi chơi họ với nhau thành khoản nợ chung sau đó vợ chồng ông H, bà D ký vào một giấy nhận nợ với tổng số tiền là 935.550.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông H, bà D phải trả tôi số tiền gốc theo giấy nhận nợ đã ký kết giữa hai bên là 935.550.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 2%/tháng cho số tiền đã chốt nợ từ ngày 25/5/2018 âm lịch tức ngày 08/7/2018 dương lịch.

Tại phiên tòa hôm nay ông rút một phần yêu cầu đối với tiền nợ gốc khi chốt nợ và rút yêu cầu tính lãi suất. Ông chỉ yêu cầu vợ chồng ông H và D trả số tiền gốc còn nợ 882.810.000 đồng vì trước đó ông H, bà D đã bán lợn cho ông và số tiền bán lợn được trừ vào khoản tiền ghi nợ nay, ông không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trước đó cũng như tại phiên hòa giải trình bày: Do có quan hệ anh em cùng bố khác mẹ với ông Ng lên từ năm 2013 đến năm 2018 do nhu cầu cần vốn làm ăn, vợ chồng ông bà đã vay của vợ chồng ông Ng nhiêu lần tiền. Ngoài ra ông bà cũng là chủ chơi họ nên ông Ng có chơi họ với ông bà, khi đến lượt ông Ng lấy họ thì ông bà đề nghị vợ chồng ông Ng cho ông vay lại số tiền được lấy. Tính đến ngày 25/5/2018 âm lịch thì hai bên chốt nợ với nhau, vợ chồng ông bà nợ ông Ng tổng số tiền là 935.550.000 đồng. Ông H, bà D ký vào giấy chốt nợ và hẹn đến khi nào ông Ng cần thì trả, sau đó ông Ng đã nhiều lần yêu cầu trả nhưng do khó khăn khi làm ăn lên ông H, bà D chưa trả được. Đến năm 2020 thì ông Ng đã mua lơn của vợ chồng ông lên số tiền bán lợn là 52.740.000 đồng ông đã trả vào số tiền chốt nợ.

Nay ông Ng yêu cầu ông H, bà D trả số tiền gốc còn lại là 882.810.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất, ông H, bà D đồng ý trả, nhưng xin trả dần.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Giang Thị Lợi trình bày:
Vợ chồng bà đã nhiều lần cho ông H, bà D vay tiền, tính đến ngày 25/5/2018 âm lịch tổng số tiền ông H, bà D nợ là 935.550.000 đồng. Trong quá trình đòi nhiều lần thì ông H bà D đã trả được 06 con lợn tính bằng tiền là 52.740.000 đồng. Nay bà Lợi yêu cầu ông H, bà D trả số tiền gốc vay còn lại là 882.810.000 đồng, bà Lợi không yêu cầu tính lãi suất.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Ng đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, do vậy bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thi miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Điều 27; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ng.

Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thi D có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Ng, bà Giang Thị Lợi số tiền là 882.810.000 đồng.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn H, bà Ng Thị D phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông Nguyễn Văn Ng không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả ông Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, Tòa án đã tiến hành tống đạt và triệu tập cho ông H, bà D theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông H, bà D vẫn vắng mặt lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b Điều 227 – Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thời hiệu khởi kiện: Căn cứ đơn khởi kiện của ông Ng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn thể hiện ông Ng khởi kiện đòi bị đơn số tiền theo Giấy có nội dung chốt nợ đề ngày 25*/5/2018*, không ghi về thời hạn trả nợ ma hai bên kỳ kết, việc Tòa án thụ lý và xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng quy định pháp luật. Kể từ thời hạn chốt nợ đến nay cho dù đã quá 03 năm tuy nhiên khi vay không thỏa thuận về thời hạn trả nợ do đó phía Ng đơn có quyền đòi lại khoản vay bất ký khi nào do vậy không xem xét áp dụng thời hiệu. Ông Ng yêu cầu khởi kiện về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản được thụ lý, giải quyết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xem xét yêu cầu của người khởi kiện:

Về số tiền gốc, xác định nghĩa vụ trả nợ: Ngoài đơn khởi kiện, bản tự khai, ông Ng nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ là Giấy có nội dung chốt nợ đề ngày 25/5/2018 âm lịch có chữ ký của bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị D. Phía bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị D có lời khai thừa nhận vợ chồng có vay tiền của ông Ng, ông H, bà D cũng thừa nhận chưa trả tiền cho ông Ng số tiền còn nợ 882.810.000 đồng. Mặc dù ông Ng đã đòi nhiều lần, vì vậy việc ông Ng khởi kiện đòi ông H, bà D trả số tiền gốc còn nợ đã vay nêu trên là có căn cứ, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 275; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Ông H, bà D là vợ xác định đây là số tiền vợ chồng vay để làm ăn do vậy căn cứ Điều 27; Điều 37 Luật hôn nhân gia đình cần buộc ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị D liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Ng, bà Giang Thị Lợi số tiền đã vay còn nợ.

- Về lãi suất: Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay ông Ng, bà Lợi không yêu cầu tính lãi suất do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Như vậy tổng số tiền gốc còn nợ buộc ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị D liên đới phải trả cho ông Nguyễn Văn Ng, bà Giang Thị Lợi là 882.810.000 đồng.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị D không thuộc đối tượng được miễn án phí nên ông H, bà D phải liên đới chịu án phí DSST, ông Ng không phải chịu án phí, trả lại ông Ng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 275; Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thi miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ng buộc ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Ng, bà Giang Thị Lợi số tiền nợ gốc là 882.810.000 đồng (Tám trăm tám mươi hai triệu, tám trăm mười nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị D phải liên đới chịu 38.484.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Ông Nguyễn Văn Ng không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả ông Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số là: 0008489 ngày 30 tháng 11 năm 2022 là 31.958.250 đồng.

Báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-TAND T. Bắc Giang;
-VKSND H. Hiệp Hòa;
-Chi cục THADS H. Hiệp Hòa;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Tuấn